

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Chí Công;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/4/2023 “V/v Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Lê D - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: xã T, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Lê C - Sinh năm: 1993. Địa chỉ: xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê D trình bày:

Anh D và chị C tự tìm hiểu và quen biết nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu thì hạnh phúc không bao lâu thì trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi không tìm được tiếng nói chung, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay Lê D nhận thấy

không còn tình cảm với Lê C nên Lê D yêu cầu ly hôn với Lê C.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh D và chị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không cùng tiếng nói, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của anh D và chị C như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là chị C không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cô ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng anh D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị C, mâu thuẫn của anh D và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc anh D yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ.

[2] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Lê C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Lê C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Lê D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Lê D được ly hôn với Lê C.
2. Về án phí và tạm ứng án phí: Lê D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Lê D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015853, ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Lê D đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/7/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã T,
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm